



CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP
ĐOÀN
HAPACO

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
DN: cn=VN, st=HẢI PHÒNG,
l=Ngô Quyền, ou=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO,
o=923421920030010011-HST
2020071361
Date: 2021.03.31 16:38:01
+0700

TẬP ĐOÀN HAPACO – CÔNG TY CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04 /2021/CV-HAP

“V/v giải trình BCTC HN năm 2020”

Hải Phòng, ngày 29 tháng 03 năm 2021

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, giải trình khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước. Về vấn đề này, Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO giải trình thay đổi của lợi nhuận năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2020 đã soát xét của Công ty như sau:

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN năm 2020: 34.066.269.391 đồng.
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN năm 2019: 20.356.803.211 đồng.
- Chênh lệch tăng : 13.709.466.180 đồng; Tỷ lệ tăng : 67,34% so với cùng kỳ

Nguyên nhân:

Trong kỳ tình hình dịch Covid – 19 xảy ra trên toàn thế giới làm ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Tập Đoàn. Các Công ty thành viên đã cố gắng duy trì sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước, tối giản các chi phí, đồng thời có hoàn nhập dự phòng đối với Công ty thành viên năm trước và tạm thu lợi nhuận của Công ty liên kết; Thoái vốn tại Công ty con, dẫn đến lợi nhuận tăng 67,4% so cùng kỳ năm 2019.

Đây chính là những nguyên nhân chính làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong BCTC hợp nhất năm 2020 của Tập đoàn Hapaco giảm so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP, TCKT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Xuân Thiệu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
Báo cáo kiểm toán độc lập	6 – 7
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	8 – 53
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	8 – 11
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2020</i>	12
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2020</i>	13 – 14
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020</i>	15 – 53

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco và Công ty con.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức: Chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và Số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần Hapaco theo Quyết định số 1912/QĐ/UB ngày 28 tháng 10 năm 1999 của UBND thành phố Hải Phòng. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được đổi tên từ Công ty Cổ phần Hapaco theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200371361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 11: 556.266.210.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2020: 556.266.210.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại : 0225 3556 002

Fax : 0225 3556 008

Mã số thuế : 0 2 0 0 3 7 1 3 6 1

Ngành nghề kinh doanh chính

Đầu tư tài chính, Sản xuất, thương mại và cung cấp dịch vụ.

Các đơn vị thành viên của Công ty tại ngày lập báo cáo:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con				
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng (tiền thân là TNHH Hapaco Hải Âu)	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	Số 826 Điện Biên - Minh Tân - Yên Bái	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Hapaco Đông Bắc	Xã Vạn Mai - Mai Châu - Hòa Bình	Trồng rừng, sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Hải Hà	Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang	Sản xuất giấy	61,54%	61,54%
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco (tiền thân là Công ty TNHH Hapaco H.P.P)	Xã Đại Bản - An Dương - Hải Phòng	Sản xuất giấy	99,89%	99,89%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	Số 738, Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng	Kinh doanh dịch vụ bệnh viện	46,82%	46,82%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
<u>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</u>				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Số 24 Cù Chính Lan, Hồng Bàng, Hải Phòng	Môi giới, tự doanh, tư vấn đầu tư chứng khoán	6,64%	6,64%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco	Số 135 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng	Hoạt động tư vấn quản lý	15,00%	15,00%
Công ty Cổ phần Đông được Tiên Sa	Phường Hải Tân, Hải Dương	Kinh doanh đông được	20,00%	20,00%

Tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động kinh doanh hợp nhất

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020; kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 53).

Các sự kiện quan trọng trong năm tài chính

Trong năm, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco đã thực hiện thoái 100% vốn tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo hợp nhất này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Thủy	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Thịnh	Ủy viên
Ông Phí Trọng Phúc	Ủy viên
Ông Vũ Xuân Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Hậu	Ủy viên
Ông Lê Như Tiến	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Xuân Thủy	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Doãn Nhân	Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2020

51020
CỔ
RÁCH
KIẾ
NHÂN
NG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Đức Phiên	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Toàn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

384
NG
HIỆM
M T
TÂN
ĐA -

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Thủy

2-C
TY
HỮU
DÂN
CHỦ
VIỆ
T.P.

Số : 47.04/2020/BCTC-NVT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021 từ trang 08 đến trang 53, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hồng Thanh

GCNĐKHNTK số: 0053-2018-124-1

Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNTK số: 4497-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		431.550.376.226	423.646.039.801
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	55.358.595.013	8.720.997.308
1. Tiền	111		55.358.595.013	8.720.997.308
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	37.700.125.600	44.700.112.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		363.842	363.842
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(238.242)	(251.842)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		37.700.000.000	44.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		253.783.453.256	253.492.034.358
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	70.755.263.771	60.111.239.834
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.804.590.656	10.657.545.305
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	179.803.679.181	187.367.509.871
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(4.580.080.352)	(4.644.260.652)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	79.463.166.354	108.056.217.038
1. Hàng tồn kho	141		88.450.489.630	117.071.458.420
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.987.323.276)	(9.015.241.382)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.245.036.003	8.676.679.097
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	426.087.728	515.959.892
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.816.369.280	8.155.140.210
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.578.995	5.578.995
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		376.565.974.870	388.246.119.528
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		60.252.400.000	78.635.792.784
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	60.252.400.000	78.350.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	285.792.784
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		64.089.729.246	73.543.534.383
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	58.367.444.709	60.450.972.125
<i>Nguyên giá</i>	222		266.718.181.125	253.729.022.357
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(208.350.736.416)	(193.278.050.232)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	-	6.939.551.893
<i>Nguyên giá</i>	225		-	9.526.426.127
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	(2.586.874.234)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	5.722.284.537	6.153.010.365
<i>Nguyên giá</i>	228		10.902.598.210	10.902.598.210
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.180.313.673)	(4.749.587.845)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		219.118.000	318.973.078
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	219.118.000	318.973.078
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	249.202.964.434	231.905.364.434
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		212.326.376.584	195.028.776.584
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		41.424.251.523	41.424.251.523
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.547.663.673)	(4.547.663.673)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.801.763.190	3.842.454.849
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	2.801.763.190	3.842.454.849
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		808.116.351.096	811.892.159.329

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		90.523.104.046	122.899.057.543
I. Nợ ngắn hạn	310		90.508.104.046	122.318.381.873
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	16.709.084.975	26.997.777.120
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	10.981.280	38.010.856
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	26.050.261.553	26.799.601.307
4. Phải trả người lao động	314		4.880.591.132	4.735.185.168
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	4.857.478.002	6.401.228.113
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	13.429.131
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	13.998.543.127	14.525.001.962
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	23.719.101.791	42.579.086.030
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	282.062.186	229.062.186
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		15.000.000	580.675.670
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		15.000.000	15.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	-	565.675.670
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

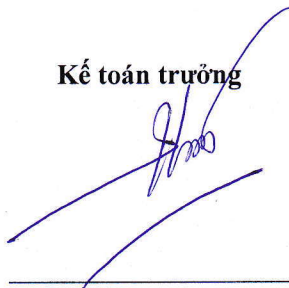
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		717.593.247.050	688.993.101.786
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	717.593.247.050	688.993.101.786
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		556.266.210.000	556.266.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		556.266.210.000	556.266.210.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.926.940.219	29.926.940.219
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(4.570.790.000)	(4.570.790.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		64.034.589.828	64.204.460.228
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		64.187.695.211	35.832.418.805
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		23.811.496.082	16.322.048.729
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		40.376.199.129	19.510.370.076
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		7.748.601.792	7.333.862.534
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		808.116.351.096	811.892.159.329

Người lập biểu



Khoa Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Cao Thị Thúy Lan

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	334.507.492.025	376.994.584.010
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	334.507.492.025	376.994.584.010
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	293.257.509.007	311.918.946.895
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.249.983.018	65.075.637.115
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	41.764.870.675	2.263.936.535
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	1.954.141.596	2.541.726.618
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.446.907.039	2.216.806.107
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		17.297.600.000	1.706.271
9. Chi phí bán hàng	25	VII.5	12.704.685.956	14.146.551.609
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.6	36.846.813.074	24.076.324.777
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.806.813.067	26.576.676.917
12. Thu nhập khác	31	VII.7	291.464.648	646.302.418
13. Chi phí khác	32	VII.8	13.356.618.969	1.713.782.912
14. Lợi nhuận khác	40		(13.065.154.321)	(1.067.480.494)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.741.658.746	25.509.196.423
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.9	1.675.389.355	5.152.393.212
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		34.066.269.391	20.356.803.211
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		40.376.199.129	19.683.370.076
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(6.309.929.738)	673.433.135
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.10	727,88	354,84

Người lập biểu

Khoa Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Cao Thị Thúy Lan

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35.741.658.746	25.509.196.423
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		17.763.490.959	17.686.435.542
- Các khoản dự phòng	03		(92.112.006)	2.745.460
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(10.248.084)	88.719.397
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(58.533.516.479)	(2.611.711.617)
- Chi phí lãi vay	06		1.446.907.039	2.216.806.107
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(3.683.819.825)	42.892.191.312
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.560.403.890	19.952.872.163
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		28.620.968.790	(23.861.438.373)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.325.530.315)	3.650.927.704
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.130.563.823	(2.036.338.849)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.523.500.194)	(2.161.391.264)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.046.360.934)	(2.821.799.010)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(189.870.400)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(47.000.000)	(326.870.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.495.854.835	35.288.153.683
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.586.770.599)	(3.424.691.548)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		563.189.546	1.329.242.187
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(21.100.000.000)	(22.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		46.197.600.000	24.850.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		37.886.292.698	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.226.189.646	2.221.803.140
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		60.186.501.291	2.976.353.779

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		103.028.631.982	140.752.979.514
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(121.442.801.777)	(139.129.754.547)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(999.999.664)	(3.001.099.308)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.638.508.500)	(33.277.019.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(36.052.677.959)	(34.654.893.741)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		46.629.678.167	3.609.613.721
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.720.997.308	5.098.447.397
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.919.538	12.936.190
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	55.358.595.013	8.720.997.308

Người lập biểu

Khoa Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Cao Thị Thúy Lan

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Đầu tư tài chính, Sản xuất, thương mại và cung cấp dịch vụ
- Hoạt động kinh doanh chính trong năm**
 - Sản xuất bột giấy và giấy các loại;
 - Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán;
 - Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái;
 - In ấn: In giấy vàng mã xuất nhập khẩu;
 - Hoạt động của Bệnh viện./.
- Số lượng người lao động đến ngày 31 tháng 12 năm 2020** : là 639 người lao động
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Trong vòng 12 tháng

6. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con				
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng (tiền thân là Công ty TNHH Hapaco Hải Âu)	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	Thôn Nước Mát, Xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Hapaco Đông Bắc	Xã Vạn Mai - Mai Châu - Hòa Bình	Trồng rừng, sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Hải Hà	Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang	Sản xuất giấy	61,54%	61,54%
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco (tiền thân là Công ty TNHH Hapaco H.P.P)	Xã Đại Bản - An Dương - Hải Phòng	Sản xuất giấy	99,89%	99,89%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng	Kinh doanh thương mại	51,00%	51,00%

7. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	Số 738, Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng	Kinh doanh dịch vụ bệnh viện	46,82%	46,82%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của

công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

3. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm (với khoản đầu tư vào Công ty con).

4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thụ hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết..

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

192
C
ÁCH
KIẾ
HÃ
VG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05
Các tài sản khác	3 – 20

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 20 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được theo dõi riêng là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty/Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Nguyên tắc kế toán vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối năm khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

182-C
TY
HỮU
TOÁN
M VI
- T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 05/2020/NQ-ĐHCD-HAP ngày 16 tháng 5 năm 2020, Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt 3% số tiền 16.687.986.300 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế có đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 trên Báo cáo tài chính Hợp nhất.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 Trong năm 2020, Công ty mẹ và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Tổng công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

320
CỔ
CH N
< IẾ
IÂN
G E

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số IX.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	492.891.621	796.146.085
Tiền gửi ngân hàng	54.865.703.392	7.924.851.223
Cộng	55.358.595.013	8.720.997.308

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Chứng khoán kinh doanh	363.842	125.600	(238.242)	363.842	112.000	(251.842)
<i>Cổ phiếu</i>	<i>363.842</i>	<i>125.600</i>	<i>(238.242)</i>	<i>363.842</i>	<i>112.000</i>	<i>(251.842)</i>
<i>Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam</i>	<i>363.842</i>	<i>125.600</i>	<i>(238.242)</i>	<i>363.842</i>	<i>112.000</i>	<i>(251.842)</i>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	37.700.000.000	37.700.000.000	-	44.700.000.000	44.700.000.000	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (*)</i>	<i>29.700.000.000</i>	<i>29.700.000.000</i>	<i>-</i>	<i>40.700.000.000</i>	<i>40.700.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Trái phiếu</i>	<i>8.000.000.000</i>	<i>8.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>4.000.000.000</i>	<i>4.000.000.000</i>	<i>-</i>
Cộng	37.700.363.842	37.700.125.600	(238.242)	44.700.363.842	44.700.112.000	(251.842)

(*) Trong đó có các khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị 15.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1904300012 ngày 19 tháng 02 năm 2019.

b) Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.326.376.584	-	195.028.776.584	-
<i>Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green (1)</i>	<i>212.326.376.584</i>	<i>-</i>	<i>195.028.776.584</i>	<i>-</i>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	41.424.251.523	4.547.663.673	41.424.251.523	4.547.663.673
<i>Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng</i>	<i>23.624.251.523</i>	<i>-</i>	<i>23.624.251.523</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Hanfinco</i>	<i>15.000.000.000</i>	<i>2.547.663.673</i>	<i>15.000.000.000</i>	<i>2.547.663.673</i>
<i>Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần An Bình</i>	<i>450.000.000</i>	<i>-</i>	<i>450.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Quỹ tín dụng thành phố Yên Bái</i>	<i>350.000.000</i>	<i>-</i>	<i>350.000.000</i>	<i>-</i>
Cộng	253.750.628.107	4.547.663.673	236.453.028.107	4.547.663.673

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(1) Giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green theo Báo cáo tài chính Hợp nhất Bao gồm khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco và Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng- Công ty con. Trong đó

+ Khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco vào Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần ngày 16 tháng 11 năm 2016 với số vốn điều lệ là 526.000.000.000 VND. Số vốn góp thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 177.000.000.000 VND.

+ Khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng vào Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần ngày 16 tháng 11 năm 2016 với số vốn điều lệ là 526.000.000.000 VND. Số vốn góp thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 17.805.388.346 VND.

Giá trị khoản đầu tư vào Công ty liên kết khi hợp nhất được xác định theo phương pháp vốn chủ:

Giá trị sổ sách của khoản đầu tư tại Công ty mẹ	194.805.388.346
và Công ty con vào Công ty liên kết	
Lãi lỗ phát sinh của Công ty liên kết khi hợp nhất	17.520.988.238
Giá trị khoản đầu tư vào Công ty liên kết sau khi Hợp nhất	195.028.776.584

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động SXKD chính
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Chứng Số 24 Cù Chính Lan, Hồng Bàng, Hải Phòng		6,64%	6,64%	Môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán
Công ty Cổ phần Đầu tư Số 135 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hafinco Hải Phòng		15,00%	15,00%	Hoạt động tư vấn quản lý
Công ty Cổ phần Đông dược Phường Hải Tân, Hải Dương Tiên Sa		20,00%	20,00%	Kinh doanh đông dược

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	2.764.870.494	2.053.813.854
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	1.099.763.090	168.706.450
Công ty Cổ phần bệnh viện Quốc tế Green	6.545.000	6.545.000
Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco Hà Nội	1.658.562.404	1.878.562.404
Phải thu các khách hàng khác	67.990.393.277	58.057.425.980
Công ty HOUH YOW ENTERPRISE	31.082.788.304	30.587.467.482
Các đối tượng khác	39.672.475.467	29.523.772.352
Cộng	70.755.263.771	60.111.239.834

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Trả trước các khách hàng khác	7.804.590.656	-	10.657.545.305	-
Công ty TNHH SX Giấy và Bao Bì Phương Đông	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng GM	-	-	1.867.041.963	-
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Việt Mỹ	-	-	5.520.000.000	-
Các đối tượng khác	7.704.590.656	-	3.170.503.342	-
Cộng	7.804.590.656	-	10.657.545.305	-

5. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	60.252.400.000	72.950.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green (1)	30.652.400.000	47.950.000.000
Công ty TNHH Vida Hải phòng (2)	29.600.000.000	25.000.000.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	-	5.400.000.000
Ông Đặng Hoa Đăng (3)	-	5.400.000.000
Cộng	60.252.400.000	78.350.000.000

(1) Là khoản phải thu về cho vay dài hạn Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green theo Hợp đồng cho vay số 01-HĐV/HAP-GREEN ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco và Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green. Số dư công nợ phải thu về cho vay của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 là 30.652.400.000 VND.

(2) Là khoản phải thu về cho vay dài hạn Công ty TNHH Vida Hải phòng theo Hợp đồng cho vay số 02-HĐV/HAP-VIDA ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco và Công ty TNHH Vida Hải phòng. Số dư công nợ phải thu về cho vay của Công ty TNHH Vida Hải phòng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 là 29.600.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(3) Là khoản phải thu Ông Đặng Hoa Đăng theo Hợp đồng cho vay số: 28.02/2014/HĐVV ngày 28/02/2014 giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hải Phòng và Ông Đặng Hoa Đăng. Số tiền vay 10.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã thu hồi khoản công nợ phải thu về cho vay này.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	115.374.622.416	-	129.887.028.513	
Công ty Cổ phần đầu tư Hafinco	-	-	14.812.406.097	
Công ty Cổ phần bệnh viện Quốc tế Green phải thu khác	300.000.000	-		
Công ty TNHH Vida Hải Phòng thu hộ BHXH	181.197.846	-	181.197.846	
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green phải thu góp vốn thừa đầu tư tại Bệnh viện (1)	114.893.424.570	-	114.893.424.570	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	64.429.056.765	154.710.948	57.480.481.358	154.710.948
Tạm ứng	194.820.950	-	227.980.950	-
Tạm ứng cho Văn phòng Đại diện của Tập đoàn tại số 47 Phố Mới - Huyện Thủy Nguyên - TP Hải Phòng thực hiện dự án Bệnh viện Việt - Hàn	8.397.819.000	-	-	-
Tiền lãi hợp đồng tiền gửi	275.993.080	-	227.116.723	-
Công ty CP Dệt may Hapaco	45.008.909.422	-	45.008.909.422	-
Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Hải Đăng về tiền lãi dự thu	-	-	1.511.626.664	-
Phải thu công nợ ứng trước cho cá nhân thực hiện công việc của Tập đoàn	9.471.400.000	-	9.471.400.000	-
Các đối tượng khác	1.080.114.313	154.710.948	1.033.447.599	154.710.948
Cộng	179.803.679.181	154.710.948	187.367.509.871	154.710.948

(1) Theo Biên bản thỏa thuận ngày 04 tháng 11 năm 2016 giữa Tập đoàn Hapaco, Công ty TNHH Hải Âu (nay là Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng) và Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green (nay là Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green), Quyết định số 06/QĐ-HAP-HĐQT của Hội đồng quản trị Tập đoàn Hapaco, Quyết định 09/QĐ-HAP-HĐTV ngày 06 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green. Các bên đã thống nhất Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green sẽ hoàn trả phần vốn đã góp đang chờ chuyển nhượng của Tập đoàn Hapaco vào Bệnh viện với số tiền 114.893.424.570 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	1.366.324.756	-	1.366.324.756	-
Công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Tiến Á Châu	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty TNHH TM DV Đại Thiên Phú	1.034.216.620	-	1.034.216.620	-
Công ty TNHH MTV TM Giấy Hoà Bình	318.865.738	-	318.865.738	-
Công ty TNHH Huỳnh Trân	371.000.000	-	371.000.000	-
Công ty TNHH Bao bì Tân Việt Tân	211.007.352	-	211.007.352	-
Các đối tượng khác	1.212.755.181	34.089.295	1.316.935.481	74.089.295
Cộng	4.614.169.647	34.089.295	4.718.349.947	74.089.295

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.458.792.941	(960.008.987)	22.280.500.402	(987.927.093)
Công cụ, dụng cụ	973.588.524	(198.749.403)	1.403.880.068	(198.749.403)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.595.867.049	-	9.118.581.165	-
Thành phẩm	59.049.651.316	(7.828.564.886)	77.502.970.519	(7.828.564.886)
Hàng hóa	1.588.655.675	-	1.840.097.314	-
Hàng gửi đi bán	2.783.934.125	-	4.925.428.952	-
Cộng	88.450.489.630	(8.987.323.276)	117.071.458.420	(9.015.241.382)

9. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ xuất dùng	468.932.866	907.992.075	(950.837.213)	426.087.728
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	25.142.938	-	(25.142.938)	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	21.884.088	3.266.986.320	(3.288.870.408)	-
Cộng	515.959.892	4.174.978.395	(4.264.850.559)	426.087.728

b) Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD	Số cuối năm
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.585.804.748	804.146.909	(1.488.738.266)	901.213.391
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	2.168.070.213	1.030.766.399	(1.298.286.813)	1.900.549.799
Các chi phí trả trước dài hạn khác	88.579.887	-	(88.579.887)	-
Cộng	3.842.454.849	1.834.913.308	(2.875.604.967)	2.801.763.190

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	91.761.107.845	146.422.695.496	14.055.124.378	376.342.637	1.113.752.001	253.729.022.357
Tăng trong năm do mua sắm mới	-	1.382.385.600	-	-	-	1.382.385.600
Tăng trong năm do đầu tư XDCB hoàn thành	6.608.284.796	567.780.270	-	-	-	7.176.065.066
Tăng trong năm do mua lại tài sản thuê tài chính	-	9.764.586.780	-	-	-	9.764.586.780
Thanh lý, nhượng bán	(394.609.106)	(3.976.577.707)	(782.263.468)	-	(149.610.215)	(5.303.060.496)
Giảm do thoái vốn	-	-	-	(30.818.182)	-	(30.818.182)
Số cuối năm	97.974.783.535	154.160.870.439	13.272.860.910	345.524.455	964.141.786	266.718.181.125
<i>Trong đó:</i>						
Dã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	20.417.150.375	35.569.439.444	2.787.434.547	345.524.455	964.141.786	60.083.690.607
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	64.160.919.294	122.243.266.185	5.383.770.115	376.342.637	1.113.752.001	193.278.050.232
Khấu hao trong năm	6.224.446.409	9.630.722.635	1.006.869.792	-	-	16.862.038.836
Tăng do chuyển từ TS thuê tài chính	-	3.057.600.529	-	-	-	3.057.600.529
Thanh lý, nhượng bán	(394.609.106)	(3.489.652.210)	(782.263.468)	-	(149.610.215)	(4.816.134.999)
Giảm do thoái vốn	-	-	-	(30.818.182)	-	(30.818.182)
Số cuối năm	69.990.756.597	131.441.937.139	5.608.376.439	345.524.455	964.141.786	208.350.736.416
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	27.600.188.551	24.179.429.311	8.671.354.263	-	-	60.450.972.125
Số cuối năm	27.984.026.938	22.718.933.300	7.664.484.471	-	-	58.367.444.709

Tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 5.102.881.818 VND và 3.057.738.879 VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam- Chi nhánh Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thuê tài chính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	9.526.426.127	9.526.426.127
Giảm tài sản thuê tài chính	(9.526.426.127)	(9.526.426.127)
Số cuối cuối năm	-	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	2.586.874.234	2.586.874.234
Khấu hao trong năm	470.726.295	470.726.295
Giảm tài sản thuê tài chính	(3.057.600.529)	(3.057.600.529)
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	6.939.551.893	6.939.551.893
Số dư cuối năm	-	-

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.641.732.932	1.260.865.278	10.902.598.210
Số cuối cuối năm	9.641.732.932	1.260.865.278	10.902.598.210
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.961.547.088	788.040.757	4.749.587.845
Khấu hao trong năm	367.682.568	63.043.260	430.725.828
Số cuối năm	4.329.229.656	851.084.017	5.180.313.673
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.680.185.844	472.824.521	6.153.010.365
Số dư cuối năm	5.312.503.276	409.781.261	5.722.284.537

(*) Bao gồm:

(1) Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 5.845.229.650 VND và 1.899.699.570 VND

(2) Giá trị quyền sử dụng đất 50 năm tại xí nghiệp Trần Yên của Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn đã trả tiền một lần được phân loại lại từ chi phí trả trước dài hạn. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.796.503.282 VND và 3.412.803.706 VND Quyền sử dụng đất này đang được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	310.873.078	6.867.883.562	(7.176.065.066)	(2.691.574)	-
- Dự án cải tạo xử lý nước thải XN nghiệp Trần Yên	271.476.246	567.780.270	(836.564.942)	(2.691.574)	-
- Đường nội bộ	-	3.401.093.039	(3.401.093.039)	-	-
- Nhà xưởng sản xuất	-	2.771.857.397	(2.771.857.397)	-	-
- Lò đốt củi	-	127.152.856	(127.152.856)	-	-
- Dây chuyền sản xuất giấy để	39.396.832	-	(39.396.832)	-	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	8.100.000	321.502.450	-	(220.968.900)	219.118.000
Cộng	318.973.078	7.189.386.012	(7.176.065.066)	(334.144.924)	219.118.000

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>16.709.084.975</i>	<i>26.997.777.120</i>
Công ty cổ phần xây dựng số 15	1.294.044.600	1.294.044.600
Công ty Cổ phần Tổng Công ty DULICO	-	2.686.753.350
Công ty CP xây dựng TM và dịch vụ vận tải Đăng Khoa	3.079.769.130	2.940.870.006
Các nhà cung cấp khác	12.335.271.245	12.173.048.233
Cộng	16.709.084.975	26.997.777.120

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>10.981.280</i>	<i>38.010.856</i>
Các nhà cung cấp khác	10.981.280	38.010.856
Cộng	10.981.280	38.010.856

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Giảm khác	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.348.473.394	-	11.686.759.079	11.104.068.244	-	1.931.164.229	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.379.943.317	2.578.995	1.675.389.355	3.046.360.934	-	20.008.971.738	2.578.995
Thuế thu nhập cá nhân	3.087.887.538	-	1.121.815.023	506.521.543	-	3.703.181.018	-
Thuế tài nguyên	8.174.376	-	-	-	-	8.533.886	-
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	964.362.000	-	1.156.384.631	1.730.096.631	-	390.650.000	-
Các loại thuế khác	10.760.682	3.000.000	126.375.672	126.375.672	-	7.760.682	-
Cộng	26.799.601.307	5.578.995	15.766.723.760	16.513.423.024	-	26.050.261.553	2.578.995

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế GTGT 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 10121000007 ngày 31/05/2007 của UBND tỉnh Hà Giang thì Công ty Cổ phần Hải Hà được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trên lợi nhuận thu được và Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến năm 2011) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2020). Năm 2020 là năm thứ 9 công ty được giảm 50% thuế TNDN phải nộp.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco và các Công ty con khác nộp thuế TNDN cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 Trong năm 2020, Công ty mẹ và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

Các loại thuế khác

Kê khai, nộp thuế theo quy định của nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	72.657.534	147.312.331
Thành viên Ban lãnh đạo- Lãi vay phải trả	72.657.534	147.312.331
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.784.820.468	6.253.915.782
Tiền lương phép phải trả, tiền ăn ca, tiền nghỉ lễ	3.289.120.861	3.875.125.760
Chi phí lãi vay phải trả	18.098.000	20.036.358
Chi phí tiền điện	56.610.541	85.127.647
Cước vận chuyển	279.214.908	105.500.412
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.141.776.158	2.168.125.605
Cộng	4.857.478.002	6.401.228.113

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	11.561.860.669	11.578.960.669
Công ty Cổ Phần bệnh viện quốc tế Green	10.911.860.669	10.928.960.669
Công ty cổ phần chứng khoán Hải Phòng	650.000.000	650.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	2.436.682.458	2.946.041.293
Kinh phí công đoàn	164.430.686	182.166.495
Bảo hiểm xã hội	293.992.541	98.633.800
Bảo hiểm y tế	4.671.792	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.176.352	-
Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS	963.451.800	732.751.800
Cổ tức phải trả cổ đông	22.740.000	19.903.200
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	986.219.287	1.912.585.998
Cộng	13.998.543.127	14.525.001.962

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	2.000.000.000	2.000.000.000	2.350.000.000	2.350.000.000
Vay thành viên Ban lãnh đạo	2.000.000.000	2.000.000.000	2.350.000.000	2.350.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	21.719.101.791	21.719.101.791	39.229.086.366	39.229.086.366
Vay ngắn hạn ngân hàng	17.553.426.121	17.553.426.121	28.259.356.634	28.259.356.634
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái- Khoản vay của Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn (1)	3.356.855.071	3.356.855.071	4.681.257.449	4.681.257.449
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng (2)	14.196.571.050	14.196.571.050	21.528.658.320	21.528.658.320
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco (3)	-	-	2.049.440.865	2.049.440.865
Vay ngắn hạn các cá nhân (4)	3.600.000.000	3.600.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	565.675.670	565.675.670	969.729.732	969.729.732
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hải Phòng - Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	565.675.670	565.675.670	969.729.732	969.729.732
Nợ thuê tài chính đến hạn trả - Khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	-	-	999.999.664	999.999.664
Cộng	23.719.101.791	23.719.101.791	42.579.086.030	42.579.086.030

(1) Là khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/783193/HĐTD ngày 30 tháng 03 năm 2020 gồm các điều khoản sau:

- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, mở L/C
- + Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng
- + Lãi suất vay: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất quá hạn theo quy định của Ngân hàng
- + Phương thức bảo đảm: Thế chấp bằng tài sản của bên vay là xe Toyota Innova biển kiểm soát 21H-5738 và Quyền sử dụng đất 50 năm tại xí nghiệp Trần Yên.
- + Hạn mức tín dụng là 3.000.000.000 VND và 230.000 USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số LD2009400015 ký ngày 03 tháng 4 năm 2020. Hạn mức cấp tín dụng là 15.000.000.000 (Mười lăm tỷ đồng) và/hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn hiệu lực của Hạn mức là 12 tháng.

Lãi suất và mục đích vay được quy định cụ thể trong từng Văn kiện tín dụng trên cơ sở có 365 ngày. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng 4 hợp đồng tiền gửi sau:

+ Tài sản 01: Hợp đồng tiền gửi số 03004386098/EA046030 do Sacombank Hải Phòng phát hành ngày 30/01/2018 cho Công ty Cổ phần Giấy Hải phòng. Giá trị tài sản 1.000.000.000 VNĐ (Một tỷ đồng)

+ Tài sản 02: Hợp đồng tiền gửi số 02/2018/STB-GHP/030045900076/EA054212 do Sacombank Hải Phòng phát hành ngày 17/05/2018 cho Công ty Cổ phần Giấy Hải phòng. Giá trị tài sản 9.400.000.000 VNĐ (Chín tỷ bốn trăm triệu đồng)

+ Tài sản 03: Hợp đồng tiền gửi số 04/2018/STB-GHP/030050759098/EA063412 do Sacombank Hải Phòng phát hành ngày 21/12/2018 cho Công ty Cổ phần Giấy Hải phòng. Giá trị tài sản 3.600.000.000 VNĐ (Ba tỷ sáu trăm triệu đồng)

+ Tài sản 04: Hợp đồng tiền gửi số 05/2018/STB-GHP/030051101010/EA063419 do Sacombank Hải Phòng phát hành ngày 27/12/2019 cho Công ty Cổ phần Giấy Hải phòng. Giá trị tài sản 1.000.000.000 VNĐ (Một tỷ đồng)

(3) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số LD1923100050 ký ngày 13 tháng 11 năm 2019. Mục đích phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Hạn mức cấp tín dụng 5.000.000.000 VNĐ. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này, lãi suất vay được quy định trong từng văn kiện tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản sau: Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 030062816453 ký ngày 29/10/2019 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín -CN Hải phòng số tiền: 1.200.000.000 VNĐ; Xe ô tô tải có mui, đã qua sử dụng, màu trắng, nhãn hiệu DONGFENG, số khung B133H1818256, số máy 703378423359, sản xuất năm 2017 tại Việt Nam, mang biển kiểm soát số: 15C-265.09 theo giấy chứng nhận đăng ký xe oto số 052192 do Phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 05/08/2017 cho Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco; các quyền tài sản là quyền đòi nợ, quyền yêu cầu thanh toán, quyền được bồi thường thiệt hại, quyền thụ hưởng bảo hiểm được chỉ định về tài khoản thanh toán mở tại SACOMBANK- Chi nhánh Hải Phòng của Bên được cấp tín dụng phát sinh từ các Hợp đồng dân sự, Hợp đồng kinh doanh thương mại, thỏa thuận bán hàng trực tiếp hoặc qua điện thoại được ký giữa Bên được cấp tín dụng và Bên thứ ba có nghĩa vụ theo các Hợp đồng kinh tế(bao gồm: Công ty Cổ phần Ống Giấy Chính Tường, Công ty CP Công nghệ Tri Việt, Công ty TNHH Công nghiệp Sao Đỏ). Tổng giá trị tài sản đảm bảo giá trị tài sản 01: 440.000.000 VNĐ; giá trị tài sản 02: tùy giá trị từng lần phát sinh tại thời điểm cụ thể. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã tắt toán khoản vay này.

(4) Khoản vay bà Hoàng Oanh theo Hợp đồng vay vốn số 14.03.2017/HĐVV của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng, số tiền vay là 5.000.000.000VNĐ. Lãi suất cho vay là 3%/năm. Và phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/14.03.2017/PL - HĐVV ngày 01 tháng 06 năm 2017, điều chỉnh số tiền vay từ 5 đến 10 tỷ đồng. Hợp đồng vay sẽ được tự động gia hạn thời gian vay theo từng năm kể từ ngày ký kết phụ lục. Mục đích vay để hỗ trợ nhập nguyên liệu và giải quyết nhu cầu vốn lưu động trong giai đoạn công ty khó khăn chưa được tập đoàn hỗ trợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	2.350.000.000	5.120.000.000	-		(5.470.000.000)	2.000.000.000
Vay thành viên Ban lãnh đạo	2.350.000.000	5.120.000.000	-		(5.470.000.000)	2.000.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	28.259.356.634	95.908.631.982	-	(11.490.450)	(106.603.072.045)	17.553.426.121
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái- Khoản vay của Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn (1)	4.681.257.449	27.663.818.862	-	(6.184.000)	(28.982.037.240)	3.356.855.071
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng (2)	21.528.658.320	64.794.763.100	-	(5.306.450)	(72.121.543.920)	14.196.571.050
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco(3)	2.049.440.865	3.450.050.020	-	-	(5.499.490.885)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	10.000.000.000	2.000.000.000	-		(8.400.000.000)	3.600.000.000
Bà Hoàng Oanh (4)	10.000.000.000	2.000.000.000	-		(8.400.000.000)	3.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	969.729.732	-	565.675.670	-	(969.729.732)	565.675.670
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hải Phòng	969.729.732	-	565.675.670	-	(969.729.732)	565.675.670
Nợ thuê tài chính đến hạn trả - Khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	999.999.664	-	-	-	(999.999.664)	-
	42.579.086.030	103.028.631.982	565.675.670	(11.490.450)	(122.442.801.441)	23.719.101.791

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

Là khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	-	-	565.675.670	565.675.670
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan				
Việt Nam - CN Hải Phòng	-	-	565.675.670	565.675.670
Cộng	-	-	565.675.670	565.675.670

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan				
Việt Nam - CN Hải Phòng	565.675.670		(565.675.670)	-
Cộng	565.675.670		(565.675.670)	-

20. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số đầu năm	Trích quỹ trong năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	229.062.186	100.000.000	(47.000.000)	282.062.186
Cộng	229.062.186	100.000.000	(47.000.000)	282.062.186

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm nay	556.266.210.000	29.926.940.219	(4.662.935.543)	64.204.460.228	49.696.884.872	6.660.429.399	702.091.989.175
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	19.683.370.076	673.433.135	20.356.803.211
Tặng, Giảm khác	-	-	92.145.543	-	(265.145.543)	-	(173.000.000)
Chia cổ tức lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(33.282.690.600)	-	(33.282.690.600)
Số dư cuối năm trước	556.266.210.000	29.926.940.219	(4.570.790.000)	64.204.460.228	35.832.418.805	7.333.862.534	688.993.101.786
Số dư đầu năm nay	556.266.210.000	29.926.940.219	(4.570.790.000)	-	35.832.418.805	7.333.862.534	688.993.101.786
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	4.740.422.577	1.259.577.423	6.000.000.000
Chi trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	(16.641.345.300)	-	(16.641.345.300)
Lợi nhuận trong năm (*)	-	-	-	-	40.376.199.129	(6.309.929.738)	34.066.269.391
Giảm khác	-	-	-	(169.870.400)	(120.000.000)	-	(289.870.400)
Thoái vốn Công ty con	-	-	-	-	-	5.465.091.573	5.465.091.573
Số dư cuối năm nay	556.266.210.000	29.926.940.219	(4.570.790.000)	64.034.589.828	64.187.695.211	7.748.601.792	717.593.247.050

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 05/2020/NQ-ĐHCD-HAP ngày 16 tháng 5 năm 2020, Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt 3% số tiền 16.641.345.300 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế có đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 trên Báo cáo tài chính Hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	55.626.621	55.626.621
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	55.626.621	55.626.621
- Cổ phiếu phổ thông	55.626.621	55.626.621
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.470	155.470
- Cổ phiếu phổ thông	155.470	155.470
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	55.471.151	55.471.151
- Cổ phiếu ưu đãi	55.471.151	55.471.151

Mệnh giá cổ phiếu lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Chi tiết số dư ngoại tệ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi tiết số dư ngoại tệ		
USD	17.244,95	15.620,37

2. Chi tiết nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ khó đòi đã xử lý	21.130.134.967	6.317.728.870
Cộng	21.130.134.967	6.317.728.870

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	334.507.492.025	376.994.584.010
+ Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	333.862.584.843	376.222.294.642
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	644.907.182	772.289.368
Cộng	334.507.492.025	376.994.584.010

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	292.536.658.133	311.584.586.687
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	748.768.980	365.412.269
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(27.918.106)	(31.052.061)
Cộng	293.257.509.007	311.918.946.895

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	3.275.066.003	2.039.386.027
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	37.884.586.427	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	594.970.161	224.550.508
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	10.248.084	
Cộng	41.764.870.675	2.263.936.535

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.446.907.039	2.216.806.107
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	497.033.272	226.040.538
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	88.719.397
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(13.600)	(26.400)
Chi phí tài chính khác	10.214.885	10.186.976
Cộng	1.954.141.596	2.541.726.618

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm nay</u>
Chi phí cho nhân viên	57.452.000	42.501.264
Chi phí khấu hao tài sản cố định	162.338.544	162.338.544
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.867.554.581	11.735.034.226
Chi phí bằng tiền khác	1.617.340.831	2.206.677.575
Cộng	12.704.685.956	14.146.551.609

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm nay</u>
Chi phí cho nhân viên	14.211.099.081	15.691.948.326
Chi phí vật liệu quản lý	66.682.439	165.532.516
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.163.848.780	1.170.744.986
Thuế, phí và lệ phí	628.845.301	358.864.423
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	14.852.406.097	33.823.921
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.225.104.441	2.487.088.249
Chi phí bằng tiền khác	1.698.826.935	4.168.322.356
Cộng	36.846.813.074	24.076.324.777

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xử lý công nợ không phải trả	-	453.809
Thu tiền bồi thường	-	446.441.953
Lãi Thanh lý Tài sản cố định	290.462.273	125.883.637
Thu nhập khác	1.002.375	73.523.019
Cộng	291.464.648	646.302.418

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xử lý công nợ không thu hồi được	6.776.006.964	
Thuế không được hoàn	-	17.479.272
Phạt vi phạm lĩnh vực môi trường	-	1.480.039.408
Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp	423.695.525	205.942.539
Lỗ Thanh lý Tài sản cố định	214.198.224	-
Chi phí khác	5.942.718.256	10.321.693
Cộng	13.356.618.969	1.713.782.912

Y
U HẠN
IN
HỆT
P HẠ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.741.658.746	25.509.196.423
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(18.355.547.403)	12.349.594.780
- Các khoản điều chỉnh tăng	29.121.383.551	12.411.814.079
Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp	101.716.360	205.942.539
Thuế không được hoàn	-	17.479.272
Chi phí không hợp lệ	300.867.277	26.417.819
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của các khoản mục tiền, phải thu	9.295.509	23.888.917
Phạt vi phạm trong lĩnh vực môi trường	326.873.102	1.480.039.408
Chi phí khấu hao xe trên 1,6 tỷ	268.020.000	357.360.000
Khoản lỗ được quyết toán riêng	13.702.468.719	493.544.322
Điều chỉnh Dự phòng giảm giá khoản đầu tư tại Công ty con phát sinh do Hợp nhất	14.412.142.584	9.807.141.802
- Các khoản điều chỉnh giảm	(47.476.930.954)	(62.219.299)
Cổ tức lợi nhuận được chia		
Điều chỉnh khấu hao do mua bán TS nội bộ	(29.238.505)	(60.379.423)
Lãi Công ty liên kết	(17.297.600.000)	(1.706.271)
Lãi do thoái vốn	(30.121.775.181)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá của tiền, phải thu	(28.317.268)	(133.605)
Thu nhập chịu thuế	17.386.111.343	37.858.791.203
Lỗi các năm trước được chuyển	(5.159.776.935)	(10.783.787.516)
Thu nhập tính thuế	12.226.334.408	27.075.003.687
Trong đó		
Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 20% là	11.096.176.210	25.231.455.509
Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 10% là	1.130.158.198	1.843.548.178
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	20%	20%
Thuế suất khác thuế suất phổ thông	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.219.235.242	5.046.291.103
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	113.015.820	184.354.818
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(739.230.856)	(92.252.409)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.593.020.206	5.138.393.512
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	82.369.149	13.999.700
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.675.389.355	5.152.393.212

Theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 Trong năm 2020, Công ty mẹ và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	40.376.199.129	19.683.370.076
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	40.376.199.129	19.683.370.076
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	55.471.151	55.471.151
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	727,88	354,84

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	55.471.151	55.471.151
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	55.471.151	55.471.151

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	182.389.055.419	239.475.507.510
Chi phí nhân công	59.733.637.313	71.781.583.918
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.763.490.959	17.686.435.542
Thuế phí lệ phí	605.972.842	176.302.237
Chi phí dự phòng	14.824.487.991	2.771.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.757.267.110	27.996.806.324
Chi phí khác bằng tiền	2.896.717.383	8.086.948.268
Cộng	320.970.629.017	365.206.355.659

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Giao dịch không bằng tiền

Trong năm công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bù trừ tiền chi mua lại TSCĐ thuê tài chính với tiền ký quỹ	238.160.653	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập thành viên Ban lãnh đạo (VND)	3.376.686.000	2.577.576.000

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Phải trả tiền vay thành viên Ban lãnh đạo	5.120.000.000	16.000.000.000
Trả tiền vay thành viên Ban lãnh đạo	5.470.000.000	13.650.000.000
Phải trả khác thành viên Ban lãnh đạo	-	2.017.228.250
Thanh toán khoản phải trả khác thành viên Ban lãnh đạo		2.017.228.250
Phải trả lãi tiền vay thành viên Ban lãnh đạo	167.924.384	147.312.331
Lãi tiền vay thành viên Ban lãnh đạo đã trả	242.579.181	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan được trình bày tại thuyết minh V.17; V.19.

Giao dịch với bên liên quan khác:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc Tế Green

Công ty liên kết

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng

Tập đoàn Hapaco là cổ đông của Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco

Ông Vũ Dương Hiền là chủ tịch Hội đồng thành viên

Công ty Cổ phần Đông được Tiên Sa

Tập đoàn Hapaco là cổ đông của Công ty

Các đối tượng khác

Công ty TNHH Vida Hải Phòng

Ông Vũ Dương Hiền là Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty

Công ty TNHH kinh doanh thương mại và XNK Hapaco Hà Nội

Ông Vũ Dương Hiền là Giám đốc Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc Tế Green		
Phải thu tiền bảo hiểm	17.100.000	-
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả	-	17.100.000
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc Tế Green thanh toán tiền vay	17.297.600.000	-
Phải thu tiền cổ tức Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc Tế Green	17.297.600.000	-
Phải thu tiền cung cấp hàng	45.375.000	160.325.000
Thu tiền cung cấp hàng	45.375.000	1.911.235.862
Phải thu Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green về cho vay	-	24.250.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green tiền chi hộ	-	84.000.000
Phải thu khác	300.000.000	
Công ty TNHH Vida Hải Phòng		
Phải thu bán hàng hoá	6.907.021.000	6.622.856.680
Thu tiền bán hàng hoá	5.975.964.360	3.698.245.570
Trả trước tiền mua hàng	27.801.600.000	-
Hoàn trả tiền mua hàng trả trước	27.801.600.000	-
Phải trả tiền mua hàng	-	9.021.340.565
Thanh toán tiền mua hàng	-	6.668.034.684
Bù trừ công nợ	-	3.268.952.155
Phải thu Công ty TNHH Vida Hải Phòng về cho vay	4.600.000.000	-
Công ty TNHH kinh doanh thương mại và XNK Hapaco Hà Nội		
Trả tiền mua hàng hóa	-	80.000.000
Thu tiền bán hàng	220.000.000	561.310.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3; V.4; V.5; V.6; V.14; V.15; V.17; V.18.

2. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Doanh nghiệp.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Hải Phòng, khu vực Yên Bái, khu vực Hòa Bình, khu vực Hà Giang.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí khách hàng của Doanh nghiệp như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm nay	Hải Phòng	Yên Bái	Hòa Bình	Hà Giang	Các khoản loại	
					trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	244.630.456.075	80.223.393.200	2.786.196.050	6.867.446.700	-	334.507.492.025
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	3.014.096.200	23.518.139.300	13.471.066.200	(40.003.301.700)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	244.630.456.075	83.237.489.400	26.304.335.350	20.338.512.900	(40.003.301.700)	334.507.492.025
Chi phí bộ phận	224.800.696.588	68.461.702.348	23.023.538.157	16.974.873.614	(40.003.301.700)	293.257.509.007
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	19.829.759.487	14.775.787.052	3.280.797.193	3.363.639.286	-	41.249.983.018
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(49.551.499.030)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						(8.301.516.012)
Doanh thu hoạt động tài chính						41.764.870.675
Chi phí tài chính						(1.954.141.596)
Phản lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết						17.297.600.000
Thu nhập khác						291.464.648
Chi phí khác						(13.438.221.269)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(1.593.787.055)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						34.066.269.391
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4.692.310.081	5.072.013.839	-	642.361.000	-	10.406.684.920
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	15.750.182.334	2.686.994.219	445.346.418	1.785.811.460	(29.238.505)	20.639.095.926

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	Hải Phòng	Yên Bái	Hòa Bình	Hà Giang	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	948.591.513.373	44.085.469.000	15.978.761.647	23.966.996.896	(224.506.389.820)	808.116.351.096
Tài sản phân bổ cho bộ phận						
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						
Tổng tài sản	948.591.513.373	44.085.469.000	15.978.761.647	23.966.996.896	(224.506.389.820)	808.116.351.096
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	125.668.320.518	12.109.381.150	5.397.714.323	6.108.481.999	(58.760.793.944)	90.523.104.046
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận						
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						
Tổng nợ phải trả	125.668.320.518	12.109.381.150	5.397.714.323	6.108.481.999	(58.760.793.944)	90.523.104.046

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm giấy các loại
- Lĩnh vực dịch vụ
- Lĩnh vực khác

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm giấy các loại	333.862.584.843	376.222.294.642
Lĩnh vực dịch vụ	644.907.182	772.289.368
Cộng	334.507.492.025	376.994.584.010



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	23.719.101.791	-	-	23.719.101.791
Phải trả người bán	16.709.084.975	-	-	16.709.084.975
Các khoản phải trả khác	23.736.612.261	15.000.000	-	23.751.612.261
Cộng	64.164.799.027	15.000.000	-	64.179.799.027
Số đầu năm				
Vay và nợ	42.579.086.030	565.675.670	-	43.144.761.700
Phải trả người bán	26.997.777.120	-	-	26.997.777.120
Các khoản phải trả khác	25.661.415.243	15.000.000	-	25.676.415.243
Cộng	95.238.278.393	580.675.670	-	95.818.954.063

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

10203
CÔNG
TẬP ĐOÀN
KHÁNH HỘI
KIỂM
NHẬN
NG Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.358.595.013	8.720.997.308	55.358.595.013	8.720.997.308
Chứng khoán kinh doanh	125.600	112.000	125.600	112.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	37.700.000.000	44.700.000.000	37.700.000.000	44.700.000.000
Phải thu khách hàng	66.295.714.022	55.651.690.130	66.295.714.022	55.651.690.130
Các khoản cho vay	60.252.400.000	78.350.000.000	60.252.400.000	78.350.000.000
Các khoản phải thu khác	179.753.148.578	187.498.591.707	179.753.148.578	187.498.591.707
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	249.202.964.434	231.905.364.434	249.202.964.434	231.905.364.434
Cộng	648.562.947.647	606.826.755.579	648.562.947.647	606.826.755.579
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	23.719.101.791	43.144.761.700	23.719.101.791	43.144.761.700
Phải trả người bán	16.709.084.975	26.997.777.120	16.709.084.975	26.997.777.120
Các khoản phải trả khác	23.751.612.261	25.676.415.243	23.751.612.261	25.676.415.243
Cộng	64.179.799.027	95.818.954.063	64.179.799.027	95.818.954.063

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất được phân loại lại như sau:

	Mã số	Số liệu theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu theo BCTC hợp nhất sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Cổ phiếu quỹ	415	(4.662.935.543)	92.145.543	(4.570.790.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	35.924.564.348	(92.145.543)	35.832.418.805

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Khoa Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Cao Thị Thúy Lan

Tổng Giám đốc

Vũ Xuân Thủy